

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA NHẬT TỬ VƯƠNG SỞ VẤN KINH

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 333

Hán dịch: Sa-môn Thần Pháp Thiên
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (01-2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 333 《佛說大乘日子王所問經》
【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 333 《Phật thuyết Đại thừa nhật tử Vương sở vấn Kinh》
【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 333 《Phật nói Đại thừa ngày con vua hỏi Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1. 10 (UTF-8) 普及版，完成日期：2004/11/14
【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1. 10 (UTF-8) phổ cập bản，hoàn thành nhật kỳ：2004/11/14
【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1. 10 (UTF-8) khắp cùng bản，hoàn thành ngày：2004/11/14
【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會（CBETA）依大正新脩大藏經所編輯
【biên tập thuyết minh】bổn tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội（CBETA）y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập
【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội（CBETA）nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供，維習安大德提供之高麗藏 CD 經文，北美某大德提供
【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung，Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn，Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung
【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung，Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn，Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung
【其它事項】本資料庫可自由免費流通，詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】
(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)
【kỳ tha sự hạng】bổn tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông，tường tế nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)
【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông，rõ ràng nhỏ nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

佛說大乘日子王所問經

Phật thuyết Đại thừa nhật tử Vương sở vấn Kinh
Phật Thuyết Đại Thừa Nhật Tử Vương Sở Vấn Kinh
西天中印度摩伽陀國那爛陀寺三藏傳教大師賜紫沙門臣法天奉 詔譯
Tây Thiên trung ấn độ ma đà đà quốc na lạn đà tự Tam Tạng truyện giáo Đại sư tử
từ Sa-môn Thần Pháp Thiên phụng chiếu dịch
**Tây thiên, Trung Ấn độ, nước Ma-già- đà, chùa Na-lan-đà, Tam tạng truyện giáo
Đại sư Tử tử Sa-môn Thần Pháp Thiên phụng dịch.**

如是我聞。一時佛在橋閃彌瞿尸羅林。
như thị ngã văn。nhất thời Phật tại kiêu thiêm di Cồ Thi-La lâm。
Tôi nghe như vậy, một thuở đức Phật ở trong rừng Cù-thi-la thuộc nước Kiêu-thiêm-di,

與大苾芻眾五百人俱。及諸菩薩摩訶薩眾。

dữ Đại bát sô chúng ngũ bách nhân câu °cập chư Bồ-tát Ma-Ha tát chúng °
cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo và chư vị Bồ-tát-ma-ha-tát.

是時無比摩建伽女。而起瞋恚。

thị thời vô tỷ ma kiến nễ ca nữ °nhi khởi sân khuê °

Lúc bấy giờ có người nữ tên là Vô Tỷ Ma-kiền-nhĩ-ca vì khởi sân giận

憎嫉舍摩嚩底妃后。於日子王邊說言。天子知耶。

tăng tất Xá-ma-phước-đềphi hậu °ư nhật tử Vương biên thuyết ngôn °Thiên tử tri da °

mà sanh ghét hoàng hậu Xá-ma-phước-đề, rồi đến trước vua Nhật Tử tâu rằng: Thiên tử biết chăng?

舍摩嚩底妃后等。五百女。共其沙門而行姪慾。

Xá-ma-phước-đềphi hậu đẳng °ngũ bách nữ °cộng kỳ Sa-môn nhi hành dâm dục °

Hoàng Hậu Xá-ma-phước-đề và 500 người nữ cùng với các Sa-môn làm việc dâm dục.

我今告言。要天子知實難容恕。

ngã kim cáo ngôn °yêu Thiên tử tri thật nan dung thứ °

Nay tôi tâu để Thiên tử biết, tội ấy thật khó dung thứ.

是時日子王聞無比摩建伽女說已。瞋怒至極意不可忍。

thị thời nhật tử Vương văn vô tỷ ma kiến nễ ca nữ thuyết dĩ °sân nộ chí cực ý bất khả nhẫn °

Lúc đó vua Nhật Tử nghe Vô Tỷ Ma-kiền-nhĩ-ca nói, liền nổi giận dữ không thể kiềm chế,

擬殺舍摩嚩底夫人。遂以手執弓放箭便射。

ngĩ sát Xá-ma-phước-đềphu nhân °toại dĩ thủ chấp cung phóng tiễn tiện xạ °

muốn giết Hoàng Hậu Xá-ma-phước-đề, bèn lấy cung tên để bắn,

是時舍摩嚩底夫人入慈心定。

thị thời Xá-ma-phước-đềphu nhân nhập từ tâm định °

lúc ấy hoàng hậu Xá-ma-phước-đề nhập định Từ bi

王所放箭上虛空中發生火焰。其焰熾盛。其箭却迴。

Wương sở phóng tiễn thượng hư không trung phát sanh hỏa diệm °kỳ diệm sí

thịnh °kỳ tiễn khuốc hồi °

nên cung tên bắn đó đều ở trên hư không mà hóa thành lửa sáng. Ngọn lửa cháy mạnh rồi các mũi tên quay trở lại,

奔日子王前於左邊而住。佛為密護箭不著身。

bôn nhật tử Vương tiền ư tả biên nhi trụ °Phật vị mật hộ tiễn bất trước thân °

bay qua trước mặt vua Nhật Tử rồi dừng lại bên trái nhà vua. Đức Phật đã âm thầm ủng hộ nên mũi tên không chạm vào thân,

亦無損動。是時日子王心生驚怖。

diệc vô tổn động °thị thời nhật tử Vương tâm sanh kinh phô °

cũng không lay động tổn hại. Bấy giờ trong tâm vua Nhật Tử rất kinh hãi,

身毛皆豎而便倒地。又復還起。問舍摩嚩底夫人。

thân mao giai thọ nhi tiện đảo địa °hựu phục hoàn khởi °vấn Xá-ma-phước-đềphu nhân °

lông trên thân đều dựng đứng mà ngã xuống đất. Vua lại đứng dậy và hỏi phu nhân Xá-ma-phước-đề

而說偈言。

nhi thuyết kệ ngôn °

bằng bài kệ rằng:

汝復為天女

Nhữ phục vi Thiên nữ

Người chính là Thiên nữ

嚩駄婆女等

鬼女羅刹女

Quý nữ La sát nữ

Quý nữ, la sát nữ

我問如是說

nghiêm đà bà nữ đấng
 Loài nghiêm-đà-bà nữ
 汝持云何行
 Nhữ trì vân hà hành
 Người thực hành pháp nào
 亦復不曾知
 Diệc phục bất tăng tri
 Cũng lại chưa từng biết
 器仗不能傷
 Khí trượng bất năng thương
 Gậy đánh không bị thương
 善學於弓箭
 Thiện học ư cung tiễn
 Khéo học bắn cung tiễn
 未曾虛放箭
 Vị tăng hư phóng tiễn
 Tên chưa từng đi lạc
 彌猴及飛禽
 Mi Hâu cập phi cầm
 Mi hâu và các thú
 而未無所中
 Nhi vị vô sở trúng
 Mà không có thoát được
 却迴面前住
 Khước hồi diện tiền trụ
 Phán ngược xung quanh ta
 我今歸命汝
 Ngã kim quy mạng nhữ
 Nay ta vái xin người
 審聽誠實言
 Thâm thính thành thật ngôn
 Lắng nghe lời thành thật
 捨過勿生瞋
 Xả quá vật sanh sân
 Xin tha, chớ sân giận
 令我離苦惱
 Lệnh ngã ly khổ não
 Khiến ta lìa khổ não
 爾時舍摩嚩底夫人答日子王。即說偈言。
 nhĩ thời xá-ma-phước-đề phu nhân đáp nhật tử Vương。tức thuyết kệ ngôn。
 Bây giờ phu nhân xá-ma-phước-đề trả lời vua Nhật Tử bằng bài kệ rằng:
 我非是天女
 Ngã phi thị Thiên nữ
 Ta chẳng phải Thiên nữ
 非鬼非羅刹
 Phi quỷ phi La sát
 Chẳng quỷ, chẳng la-sát
 我作佛弟子
 Ngã tác Phật đệ-tử
 Ta là đệ tử Phật
 故我心行善
 Cố ngã tâm hành thiện
 Nên ta làm việc thiện
 俱胝百千劫

Ngã vân như thị thuyết
 Nay ta hỏi lời này,
 未見未曾聞
 Vị kiến vị tăng văn
 Mà chưa từng thấy nghe
 未曾有女人
 Vị tăng hữu nữ nhân
 Chưa từng có người nữ
 我有精進力
 Ngã hữu tinh tấn lực
 Ta có nhiều sức mạnh
 我箭不空發
 Ngã tiễn bất không phát
 Ta bắn không hề sai
 如我所要射
 Như ngã sở yếu xạ
 Nếu khi ta cần bắn
 人身兼射塚
 Nhân thân kiêm xạ đóa
 Hoặc người đều bị thương
 如我今放箭
 Như ngã kim phóng tiễn
 Sao nay tên bắn ra
 不傷損我身
 Bất thương tổn ngã thân
 Mà không tổn hại thân
 願救我苦惱
 Nguyên cứu ngã khổ não
 Xin cứu ta khổ não
 我欲故殺汝
 Ngã dục cố sát nhữ
 Vì dục nên giết người
 汝念為好事
 Nhữ niệm vi hảo sự
 Người làm các việc tốt
 永不復如是
 Vĩnh bất phục như thị
 Mãi không còn như vậy.
 亦非健闍女
 Diệc phi kiện thát nữ
 chẳng phải kiện-thát nữ
 是舍摩嚩底
 Thị xá-ma-phước-đề
 Là xá-ma-phước-đề
 為彼大慈悲
 Vi tỷ Đại từ bi
 Có tâm từ bi lớn
 發心世尊處
 Phát tâm Thế tôn xứ
 Ở nơi Phật phát tâm
 觀彼善慈悲

Câu chi bách thiên kiếp
Trãi qua vô số kiếp
故我行慈行
Cổ ngã hành từ hạnh
Nên ta hành Từ hạnh
見彼如實者
Kiến tỳ như thật giả
Người thấy cho là thật
而被雷雹壤
Nhi bị lôi bạc nhuộm
Bị sấm, mưa làm hại
我彼俱愛樂
Ngã tỳ câu ái lạc
Đây kia đều an lạc
遠離於婬慾
Viễn li ư dâm dục
Đều xa lia dâm dục
佛與菩薩眾
Phật dữ Bồ-tát chúng
Phật và chúng Bồ-tát
悉皆離女色
Tất giai ly nữ sắc
Đều xa lia nữ sắc
普被魔羅降
Phổ bị ma la hàng
Nên bị ma hàng phục
能得身安樂
Năng đắc thân an lạc
Thì thân được an lạc
無智諸眾生
Vô trí chư chúng sanh
Chúng sanh không trí huệ
作罪業無邊
Tác tội nghiệp vô biên
Tạo vô biên tội nghiệp
無底慾火坑
Vô để dục hỏa khanh
Ái dục như hầm lửa
有智樂解脫
Hữu trí lạc giải thoát
Người trí vui giải thoát
見已便纏縛
Kiến dĩ tiện triển phược
Bị nữ sắc trói buộc
墜墮於眾生
Trụy đọa ư chúng sanh
Thân mãi làm chúng sanh
勿聽女人言
Vật thính nữ nhân ngôn
Chớ nghe lời người nữ
意願生歡喜
Ý nguyện sanh hoan hỷ
Ý nên sanh hoan hỷ
汝欲求見佛

Quán tỳ thiện từ bi
Thấy Phật hành Từ bi
女色所縛人
Nữ sắc sở phược nhân
Nữ sắc trói buộc người
若苗稼成熟
Nhược miêu giá thành thực
Như lúa non chín muối
若離女色染
Nhược ly nữ sắc nhiễm
Nêu xa lia nữ sắc
一切諸世尊
Nhất thiết chư Thế tôn
Tất cả Phật Thế Tôn
又聞世尊說
hựu Văn Thế tôn thuyết
Lại nghe Thế Tôn dạy
緣覺及聲聞
Duyên giác cập Thanh văn
Duyên giác và Thanh văn
愚者不能知
Ngu giả bất năng tri
Người ngu không hiểu biết
離女色染污
Ly nữ sắc nhiễm ô
Lia ô nhiễm nữ sắc
究竟得解脫
Cửu cánh đắc giải thoát
Rốt ráo được giải thoát
愛慾無遠離
Ái dục vô viễn li
Không xa lia ái dục
墮落三惡道
Đọa lạc tam ác đạo
Rơi vào ba đường ác
猛焰熾不滅
Mãnh diễm si bất diệt
Cháy dữ dội không tắt
不為女色染
Bất vi nữ sắc nhiễm
Không mê đắm nữ sắc
詐言虛適悅
Trá ngôn hư thích duyệt
Nghe lời dối vui tai
死人嶮惡道
Tử nhập hiểm ác đạo
Chết rơi vào đường ác
亦不忿怒我
Diệc bất phẫn nộ ngã
Cũng đừng sân giận ta
發心世尊處
Phát tâm Thế tôn xứ
Phát tâm nơi Phật đạo
我與大王去

Nhữ dục cầu kiến Phật
Nếu muốn được gặp Phật
到彼汝諦聽
Đáo tỳ nhữ đế thính
Đến rồi nên lắng nghe

Ngã dữ Đại Vương khú
Tôi cùng Đại vương đi
必說微妙法
Tất thuyết vi diệu Pháp
Phật thuyết Pháp vi diệu.

爾時日子王告舍摩嚩底夫人。正當是時。

nhĩ thời nhật tử Vương cáo Xá-ma-phược-đề phu nhân。chánh đương thị thời。
Bấy giờ vua Nhật Tử bảo phu nhân Xá-ma-phược-đề rằng: Đây chính là phải lúc,
汝意速疾詣世尊所。

nhữ ý tốc tạt nghệ Thế tôn sở。

Ta muốn nhanh chóng đến chỗ Thế Tôn.

王及臣民侍從圍繞見大牟尼巍巍堂堂如大金山光明焰赫吉祥莊嚴。

Vương cập Thân dân thị tòng vây quanh kiến Đại Mâu Ni nguy nguy đường đường như
Đại kim sơn quang-minh diệm hách cát tường trang nghiêm

Rồi vua cùng các người hầu đi đến chỗ Phật, thấy đức Thế Tôn uy nghi rực rỡ như
núi vàng, hào quang cát tường trang nghiêm.

又見菩薩摩訶薩及諸苾芻苾芻尼塢波斯迦塢波索迦。

hựu kiến Bồ-tát Ma-Ha tát cập chư bát sô bát sô ni ỏ ba tu ca ỏ ba tát ca。

Lại thấy các Đại Bồ-tát và chư vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,

天龍藥叉健闍婆阿素囉 [薛/女] 嚕茶緊那囉摩護囉識人非人等圍繞世尊。

Thiên Long dục xoa kiến thát bà a tố la nghiệt lỗ trà khản na la ma hộ la nga
nhân phi nhân đẳng vây quanh Thế tôn。

Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tổ-la, Nghiệt-lỗ-trà, Khản-na-la, Ma-hộ-la-
nga, Nhân và phi nhân vây quanh Thế Tôn.

爾時大王頭面作禮。而白佛言。世尊。

nhĩ thời Đại Vương đầu diện tác lễ。nhi bạch Phật ngôn。Thế tôn。

Bấy giờ Vua Nhật Tử cúi đầu làm lễ bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

我有未曾有事。先未聞見。今詣佛所。

ngã hữu vị tăng hữu sự。tiên vị văn kiến。kim nghệ Phật sở。

Con có một việc hy hữu, trước nay chưa từng thấy nghe, nay đến chỗ Thế Tôn,

世尊慈悲與我解說。世尊告言。大王汝說未曾有事。

Thế tôn từ bi dữ ngã giải thuyết。Thế tôn cáo ngôn。Đại Vương nhữ thuyết vị tăng
hữu sự ăc

xin Thế Tôn từ bi giải thích cho con. Đức Phật dạy: Đại vương! Ông nói là việc
chưa từng có?

王復白言。今日我宮有姪慾因緣。

Vương phục bạch ngôn。kim nhật ngã cung hữu dâm dục nhân duyên。

Vua bạch rằng: Hôm nay trong cung có người nữ

無比摩建爾迦女。生毀謗心。

vô tỷ ma kiến nhĩ ca nữ。sinh hủy báng tâm。

tên Vô Tỷ Ma-kiền-nhĩ-ca, do tánh dâm dục mà sanh tâm hủy báng,

言舍摩嚩底夫人與聲聞沙門而行姪事。我聞此言瞋恨至極。

ngôn Xá-ma-phược-đề phu nhân dữ Thanh văn Sa-môn nhi hành dâm sự。ngã văn thù
ngôn sân hận chí cực。

nói với phu nhân Xá-ma-phược-đề và các Sa-môn mà hành dâm dục. Con nghĩ đến việc
này thì trong lòng nổi sân giận,

殺舍摩嚩底夫人以箭便射。於其箭上。

sát Xá-ma-phược-đề phu nhân dĩ tiền tiện xạ。ư kỳ tiền thượng。

liền dùng cung tên bắn phu nhân Xá-ma-phược-đề, nhưng trên mũi tên

而出火焰赫奕熾盛。却迴我身左邊而住。亦不傷損我身。

nhi xuất hỏa diệm hách dịch sí thịnh。khước hồi ngã thân tả biên nhi trụ。diệc
bất thương tổn ngã thân。

lại phát ra lửa cháy dữ dội, rồi bao vây quanh thân con mà không làm con bị thương.

舍摩嚩底夫人。禮世尊足說如是言。

Xá-ma-phuợc-đềphu nhân。lễ Thế tôn túc thuyết như thị ngôn。

Phu nhân Xá-ma-phuợc-đề đến đánh lễ Thế Tôn và thưa rằng:

彼王問我。

tỳ Vương vấn ngã。

Vua đã hỏi con rằng:

為復天女龍女健闍婆女比舍際女鬼女羅刹女。汝修持何行而乃如是。而答王言。

vi phục Thiên nữ Long nữ càn thát bà nữ tỳ xá tế nữ quý nữ La sát nữ。nhữ tu trì hà hành nhi nãi như thị。nhi đáp Vương ngôn。

Người là Thiên nữ, Long nữ, Càn-thát-bà nữ, Tỳ-xá-tế nữ, hay quý nữ, La-sát nữ。

Người tu trì hạnh gì mà được như vậy。Con trả lời rằng:

我是大王夫人。

ngã thị Đại Vương phu nhân。

Tôi là phu nhân của Đại vương,

非是天女龍女健闍婆女比舍際女羅刹女。世尊。

phi thị Thiên nữ Long nữ kiện thát bà nữ tỳ xá tế nữ La sát nữ。Thế tôn。

chẳng phải là Thiên nữ, Long nữ, Càn-thát-bà nữ, Tỳ-xá-tế nữ, hay quý nữ, La-sát nữ, mà là đệ tử

如來應供正等正覺弟子。心善純淨為如彼天。

Như-Lai Ứng-Cúng chánh đẳng chánh giác đệ-tử。tâm thiện thuần tịnh vi như tỳ Thiên。

của Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng, Chánh Giác, do tâm ý nghĩ thiện và thanh tịnh nên như vậy。

是時舍摩嚩底夫人。稱讚世尊功德。

thị thời Xá-ma-phuợc-đềphu nhân。xung tán Thế tôn công đức。

Bây giờ phu nhân Xá-ma-phuợc-đề khen ngợi công đức của Thế Tôn rằng:

我佛如來有如是應正等覺。有如是大慈大悲。具大福慧。成大威德。

ngã Phật như lai hữu như thị ứng chánh đẳng giác。hữu như thị Đại từ Đại bi。cụ Đại phúc tuệ。thành Đại uy đức。

Đức Phật Như Lai là Chánh Đẳng Giác, có tâm đại từ đại bi, đầy đủ phước đức và trí huệ lớn, thành tựu oai đức lớn,

得大自在。何以故。如來應正等覺為天人師。

đắc Đại tự-tại。hà dĩ cố。Như-Lai ứng chánh đẳng giác vi Thiên Nhơn Sư。

được đại tự tại。Tại vì sao? Như Lai Chánh Đẳng Giác là bậc thầy của Trời, Người

願鑒斯誠。爾時日子王。對佛及苾芻眾前。

nguyện giám tư thành。nhĩ thời nhật tử Vương。đối Phật cập bát sô chúng tiền。

nguyện chứng minh cho lòng thành này。Bây giờ vua Nhật Tử đến trước Phật và các Tỳ-kheo,

懺悔發露。我等由如愚童。如心迷亂。

sám hối phát lộ。ngã đẳng do như ngu đồng。như tâm mê loạn。

phát lồ sám hối rằng: Chúng con do ngu si như trẻ thơ, tâm như mê loạn,

如在黑暗。如無善根。我念如來聲聞。而生毀謗。

như tại hắc ám。như vô thiện căn。ngã niệm Như-Lai Thanh văn。nhi sanh hủy báng。như ở chỗ tăm tối, không có căn lành, cho nên đối với đệ tử của Như Lai mà sanh tâm hủy báng。

善哉世尊。願解疑悔。我等受持。世尊說言。

Thiện tai Thế tôn。nguyện giải nghi hối。ngã đẳng thọ trì。Thế tôn thuyết ngôn。

Xin nguyện Thế Tôn giải trừ lòng nghi ngờ và hối hận, chúng con nguyện thọ trì。Phật dạy rằng:

汝發起慈心受持戒行。廣利有情。

nhữ phát khởi từ tâm thọ trì giới hành °quảng lợi hữu tình °
Người hãy phát khởi tâm từ bi, thọ trì Giới Pháp để đem lợi ích rộng rãi cho chúng sanh.

日子王即從坐起合掌恭敬。佛言大王。汝但安坐。

nhật tử Vương tức tùng tọa khởi hợp chưởng cung kính °Phật ngôn Đại Vương °nhữ
đãn an tọa °

Vua Nhật Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay cung kính. Phật bảo: Ông hãy ngồi yên.

于時日子王頭面作禮却坐一面。日子王白佛言。

vu thời nhật tử Vương đầu diện tác lễ khước tọa nhất diện °nhật tử Vương bạch
Phật ngôn °

Bây giờ Vua Nhật Tử cúi đầu làm lễ rồi ngồi một bên bạch Phật rằng:

世尊。我心勇猛。聽女人言造罪業苦。

Thế tôn °ngã tâm dũng mãnh °thính nữ nhân ngôn tạo tội nghiệp khổ °

Bạch Thế Tôn! Tâm con nóng nảy, vì nghe lời người nữ mà tạo tội nghiệp,

知自命終墮於地獄。善哉世尊。

tri tự mạng chung đọa ư Địa-ngục °Thiện tai Thế tôn °

tự biết khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục. Bạch Thế Tôn!

女人之過唯願說之。世尊告言。女人行業有其多種。

nữ nhân chi quá duy nguyện thuyết chi °Thế tôn cáo ngôn °nữ nhân hành nghiệp hữu
kỳ đa chủng °

Xin ngài nói những điều xấu của người nữ cho chúng con nghe. Phật dạy: Hành
nghiệp của người nữ có rất nhiều thứ,

惑亂有情詐現異相。諂媚虛誑心不真實。

hoặc loạn hữu tình trá hiện dị tướng °siểm mị hư cuồng tâm bất chân thật °

như làm mê hoặc chúng sanh mà giả hiện tướng khác lạ, theo dết lừa dối tâm không
chân thật,

顛倒思惟詔曲詐偽。舉動施為強求親近。

điên đảo tư duy siểm khúc trá 偽 °cử động thí vi cường cầu thân cận °

suy nghĩ điên đảo lừa dối quanh co, mọi hành vi đều là dua nịnh,

牽繫有情恒行邪行。汝須省覺。王言世尊。願賜慈悲。

khiên hệ hữu tình hằng hành tà hành °nhữ tu tỉnh giác °Vương ngôn Thế tôn °nguyện
tứ từ bi °

chỉ làm việc xấu liên lụy đến chúng sanh, ông phải tỉnh giác. Vua bạch với Thế
Tôn: Nguyện đấng Từ bi chỉ dạy,

願聽所說。如我此後不近女人。

nguyện thính sở thuyết °như ngã thử hậu bất cận nữ nhân °

con xin nghe theo, từ nay về sau con không gần người nữ,

亦不由女人而造罪業。既不造罪不墮地獄。

diệc bất do nữ nhân nhi tạo tội nghiệp °ký bất tạo tội bất đọa Địa-ngục °

cũng không vì người nữ mà tạo tội nghiệp, đã không tạo tội thì không đọa địa
ngục.

世尊如我長夜利益安樂一切眾生。佛言。如是如是。

Thế tôn như ngã trường dạ lợi ích an lạc nhất thiết chúng sanh °Phật ngôn °như
thị như thị °

Bạch Thế Tôn! Con sẽ ở nơi đêm dài mà làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy!

復次日子王白言。世尊。我於佛邊聞斯欲義。

phục thứ nhật tử Vương bạch ngôn °Thế tôn °ngã ư Phật biên văn tu dục nghĩa °

Vua Nhật Tử lại bạch đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Con nghe đức Phật dạy ý nghĩa
về dục,

實由女人得其惡報。佛言大王。女色深固。

thật do nữ nhân đắc kỳ ác báo. Phật ngôn Đại Vương. nữ sắc thâm cố.
thật là do người nữ mà bị ác báo. Đức Phật dạy: Này Đại Vương! Nữ sắc thâm sâu,
生冤家之父母。生暴惡之父母。

sanh oan gia chi phụ mẫu. sanh bạo ác chi phụ mẫu。

khiến sanh oan gia với cha mẹ, bạo ác với cha mẹ,

若起愛樂墮於地獄。是故女人有如是之過。佛言大王。

nhuộc khởi ái lạc đọa u Địa-ngục. thị cố nữ nhân hữu như thị chi quá. Phật ngôn
Đại Vương。

nếu khởi ái lạc ắt rơi vào địa ngục, vì thế người nữ có những điều xấu như vậy.
Này Đại vương!

若較量丈夫婬慾之過。汝後世父母眷屬。

nhuộc giác lượng trượng phu thâm dục chi quá. nữ hậu thế phụ mẫu quyến chúc。

Nếu so với điều xấu về sự thâm dục của kẻ trượng phu, thì ông ở đời sau đối với
cha mẹ quyến thuộc

亦有其過。日子王白佛言。世尊。善哉善哉。

diệc hữu kỳ quá. nhật tử Vương bạch Phật ngôn. Thế tôn. Thiện tai Thiện tai。

cũng có lỗi lầm. Vua Nhật Tử bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Hay thay, hay thay!

丈夫之過與我解說。云何丈夫之過。

trượng phu chi quá dĩ ngã giải thuyết. vân hà trượng phu chi quá。

Xin diễn thuyết về điều xấu của kẻ trượng phu. Thế nào là điều xấu của kẻ trượng
phu,

父母眷屬亦有其過。佛言大王。諦聽諦聽善思念之。

phụ mẫu quyến chúc diệc hữu kỳ quá. Phật ngôn Đại Vương. để thính để thính thiện
tu niệm chi。

đối với cha mẹ, quyến thuộc cũng có lỗi lầm? Đức Phật dạy: Này Đại Vương! Hãy
lắng nghe và khéo suy nghĩ.

我為汝說。世尊告言。大王。

ngã vi nhữ thuyết. Thế tôn cáo ngôn. Đại Vương。

Ta sẽ vì ông nói. Đức Thế Tôn lại bảo: Đại Vương!

若丈夫之過有其四種。大王問言。四過云何。世尊答言。大王。

nhuộc trượng phu chi quá hữu kỳ tứ chủng. Đại Vương vấn ngôn. tứ quá vân hà. Thế
tôn đáp ngôn. Đại Vương。

Kẻ trượng phu có bốn điều lỗi. Đại Vương thưa: Bốn điều ấy như thế nào? Thế Tôn
dạy: Đại Vương!

若丈夫耽著婬慾被婬慾迷醉。由迷醉故。

nhuộc trượng phu đam trước thâm dục bị thâm dục mê túy. do mê túy cố。

Nếu trượng phu tham đắm thâm dục, bị thâm dục làm mê say, do mê say

情意顛倒由顛倒故。於其女人深生愛樂。

tình ý điên đảo do điên đảo cố. u kỳ nữ nhân thâm sanh ái lạc。

nên tâm ý điên đảo, do điên đảo mà sanh ái lạc đối với người nữ.

於苾芻眾中有持戒德行沙門婆羅門。不欲見聞。

ư bất sô chúng trung hữu trì giới đức hạnh Sa-môn Bà-la-môn. bất dục kiến văn。

Ở trong chúng Tỳ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn trì Giới đức hạnh thì không ua
thấy nghe,

由不欲見聞持戒德行沙門婆羅門故。

do bất dục kiến văn trì giới đức hạnh Sa-môn Bà-la-môn cố。

do không ua thấy nghe những Sa-môn, Bà-la-môn trì giới đức hạnh,

亦不親近。亦不歸依。亦不供養。

diệc bất thân cận. diệc bất quy y. diệc bất cung dưỡng。

nên cũng không gần gũi, cũng không quy y cũng không cúng dường,

於無戒無行沙門婆羅門。亦復遠離。又無信根。不修德行。

u vô giới vô hành Sa-môn Bà-la-môn ° diệc phục viễn li ° hựu vô tín căn ° bất tu đức hành °

đối với Sa-môn, Bà-la-môn không có giới hạnh cũng lại xa lánh. Lại có hạng người không có tín căn, không tu đức hạnh,

不行布施 ° 全無智慧 °

bất hành bố thí ° toàn vô trí tuệ °

không chịu bố thí, không có trí huệ,

寡聞薄德我慢貢高行鬼神行 ° 又復親近無智貪著惡法 °

quả văn bạc đức ngã mạn công cao hành quỷ Thần hành ° hựu phục thân cận vô trí tham trước ác Pháp °

ít học, không đức hạnh, công cao ngã mạn, làm việc tà, thì lại gần gũi. Lại gần kẻ không trí huệ, tham đắm pháp ác,

樂著臭穢遠離善友 ° 縱生天上人間 °

lạc trước xú uế viễn li thiện hữu ° túng sanh Thiên thượng nhân gian °

ua thích điều xấu xa, xa lìa bạn lành. Dẫu sanh nơi cõi trời hay cõi người

於自身命恒時呵毀 ° 於沙門婆羅門 ° 不作護摩 ° 於佛法僧 °

u tự thân mạng hằng thời ha hủy ° u Sa-môn Bà-la-môn ° bất tác hộ ma ° u Phật Pháp tăng °

thì đối với thân mạng cũng luôn đáng trách. Đối với Sa-môn, Bà-la-môn không chịu ủng hộ Tam Bảo,

而復遠離 ° 於涅槃果德 °

nhi phục viễn li ° u Niết-Bàn quả đức °

lại càng xa lánh quả vị Niết-bàn

而所棄背長時憶念 ° 女人倡妓歌舞飲酒談笑 °

nhi sở khí bối trường thời ức niệm ° nữ nhân xướng kĩ ca vũ âm tửu đàm tiếu °

mà luôn quay lưng không bao giờ nhớ nghĩ, chỉ thích người nữ xướng ca nhảy múa, uống rượu cười đùa,

如是纏縛而復命終 °

như thị triển phược nhi phục mạng chung °

như vậy bị trói buộc rồi sau mạng chung

墮在眾合黑繩等活號叫大號叫炎熱極炎熱阿鼻地獄 ° 受種種苦 °

đọa tại chúng hợp hắc thăng đẳng hoạt hào khiêu Đại hào khiêu viêm nhiệt cực viêm nhiệt A-tì Địa-ngục ° thọ chủng chủng khổ °

sẽ đọa vào địa ngục Chúng hợp, Hắc thăng, Đẳng hoạt, Hào khiêu, Đại hào khiêu, Viêm nhiệt, Cực viêm nhiệt và địa ngục A-tỳ, chịu các khổ não.

從地獄出生焰魔羅界畜趣中生為師子虎狼諸惡禽

tòng Địa-ngục xuất sanh diệm ma la giới súc thú trung sanh vi Sư-tử hổ lang chư ác cầm

Từ Địa ngục ra lại sanh vào cõi A-tu-la hoặc làm thân sư tử, hổ báo, các thú hung dữ.

獸 ° 乃至 [薛 / 女] 路茶身止鐵叉樹 ° 大王 °

thú ° nãi chí [bệ / nữ] lộ trà thân chỉ thiết xoa thụ ° Đại Vương °

Cho đến làm thân Cựu-bàn-trà ở nơi cây Thiết xoa. Nay Đại Vương!

若丈夫如是行愚法行 ° 獲斯惡報 ° 此是丈夫初過 °

nhược trượng phu như thị hành ngu Pháp hành ° hoạch tu ác báo ° thử thị trượng phu sơ quá °

Nếu kẻ trượng phu làm những việc ngu si thì sẽ bị ác báo như vậy, đây là điều lỗi thứ nhất.

爾時世尊而說偈言 °

nhĩ thời Thế tôn nhi thuyết kệ ngôn °

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

慾臭穢根不淨

過後常增業苦深

Dâm dục xú uế căn bất tịnh
Dâm dục, xú uế, gốc bất tịnh
聰慧法師呵欲染
Thông tuệ Pháp sư ha dục nhiễm
Người có trí huệ thường quở trách
譬如廣大不淨坑
Thí như quảng Đại bất tịnh khanh
Thí như hầm lớn chứa bất tịnh
亦似塚間脬脹屍
Diệt tự trùng gian bàng trướng thi
Cũng như thầy sinh nơi đồng trống
復似蠅蟲嘔瘡腫
Phục tự dăng trùng tấp sang thũng
Nhu ruồi nặng bu trên ghè thũng
猪狗食啖臭魚等
Tru cầu thực đạm xú ngư đẳng
Nhu heo chó ăn đồ dơ bẩn
破壞善名兼德行
Phá hoại thiện danh kiêm đức hành
Phá hoại thiện căn và đức hạnh
不生天道墮阿鼻
Bất sanh Thiên đạo đọa A-tì
Sau chết đọa vào ngục A-tỳ
如人悞飲惡毒藥
Nhu nhân ngộ ảm ác độc dược
Thí như người uống lầm thuốc độc
不覺無常毒所中
Bất giác vô thường độc sở trung
Không hiểu vô thường như trúng độc
樂著美味便珍饈
Lạc trước mỹ vị tiện trân soạn
Mê đắm sắc đẹp mùi vị ngon
家事不思多忘失
Gia sự bất tư đa vong thất
Bỏ quên việc nhà không lo nghĩ
貪著姪慾常稱讚
Tham trước dâm dục thường xưng tán
Tham đắm dâm dục, thường khen ngợi
晝夜恒行下劣行
Trú dạ hằng hành hạ liệt hành
Đêm ngày thường làm việc thấp hèn
讚美姪慾行非行
Tán mỹ dâm dục hành phi hành
Khen ngợi dục, làm việc sai trái
如履顛巍大嶮崖
Nhu lý điên nguy Đại hiểm nhai
Nhu đi vách núi rất hiểm trở
既別人世閻浮界
Ký biệt nhân thế diêm phù giới
Xa lìa người thân nơi thế gian
五峯圍繞鐵山間
Ngũ phong vây quanh thiết sơn gian
Năm núi vây quanh núi Thiết Vi
如風狂亂無知解

Quá hậu thường tăng nghiệp khổ thâm
Đòi sau sẽ tăng thêm nghiệp khổ
當生父母亦無益
Đương sanh phụ mẫu diệc vô ích
Không có ích lợi với cha mẹ
滿盛糞壤多臭穢
Mãn thịnh phần nhưỡng đa xú uế
Đây đây phân dơ nhiều mùi hôi
姪慾之人亦如是
Dâm dục chi nhân diệc như thị
Người tham dâm dục cũng như vậy
驢馬奔眠糞穢中
Lư mã bồn miên phần uế trung
Lừa ngựa ngủ say trong chuồng thối
耽愛女人亦如是
Đam ái nữ nhân diệc như thị
Tham ái nữ sắc cũng như vậy
恒行毀禁具無慚
Hằng hành hủy cấm cụ vô tàm
Hằng hành hủy cấm giới không hổ thẹn
是故法師呵愛欲
Thị cố Pháp sư ha ái dục
Nên Pháp sư quở trách ái dục
迷亂猖狂遍體疼
Mê loạn cuồng cuồng biến thể đồng
Mê loạn đau đớn khắp thân thể
耽欲之人亦如是
Đam dục chi nhân diệc như thị
Người ham sắc dục cũng như vậy
愛聽歌音戀色聲
Ái thỉnh ca âm luyện sắc thanh
Say tiếng nhạc lời ca êm ái
唯作輪迴集苦因
Duy tác Luân-hồi tập khổ nhân
Chỉ tạo nhân khổ chịu luân hồi
不了愚迷糞袋身
Bất liễu ngu mê phần Đại thân
Mê muội không biết thân đặng phần
薄福沈輪於惡趣
Bạc phúc trầm luân ư ác thú
Phước tiêu chìm sâu trong ác thú
多饒瞋恚長愚癡
Đa nhiều sân khúê trường ngu si
Chứa nhiều sâu giận mãi ngu si
不覺須臾致命
Bất giác tu du trí thất mạng
Đi mà xao lãng thì mất mạng
死墮無邊業海中
Tử đọa vô biên nghiệp hải trung
Chết rơi vô biên trong biển nghiệp
日月燈光全不見
Nhật-Nguyệt-Đẳng quang toàn bất kiến
Ánh sáng trời trăng không thể thấy
往返縱橫失路岐

Như phong cuồng loạn vô tri giải
 Như gió cuồng loạn không biết hay
 如是經生常住此
 Như thị Kinh sanh thường trụ thử
 Như vậy nhiều kiếp thường ở đây
 種種善業亦不生
 Chùng chùng thiện nghiệp diệc bất sanh
 Các thú nghiệp thiện cũng không sanh
 棄背尊親行五逆
 Khí bối tôn thân hành ngũ nghịch
 Bỏ rời cha mẹ tạo ngũ nghịch
 張羅罪網無思慮
 Trương la tội võng vô tư lự
 Giăng lưới tội mà không lo nghĩ
 父母遠離無返復
 Phụ mẫu viên li vô phản phục
 Xa lánh cha mẹ không thăm hỏi
 放逸耽淫著戲弄
 Phóng dật đam dâm trước hí lộng
 Buông lung dâm dục vui đùa giỡn
 破壞修行疑種種
 Phá hoại tu hành nghi chùng chùng
 Phá bỏ việc tu càng si mê
 樂行邪行受極苦
 Lạc hành tà hành thọ cực khổ
 Ưa vui tà hạnh chịu các khổ
 鬪諍欺抄致殺傷
 Đấu tranh khi sao trí sát thương
 Dối lừa tranh cãi khiến tổn thương
 不生天道兼人趣
 Bất sanh Thiên đạo kiêm nhân thú
 Không sanh cõi trời và cõi người
 鐵林青色攢鋒刃
 Thiết lâm thanh sắc toàn phong nhận
 Rừng kiếm mũi nhọn đâm vào thân
 劍樹刀山遍地中
 Kiếm thụ đao sơn biến địa trung
 Núi đao rừng kiếm khắp trong ấy
 如斯大苦因淫慾
 Như tu Đại khổ nhân dâm dục
 Khổ sở này là do dâm dục
 汝向女人生恐怖
 Nhữ hướng nữ nhân sanh khủng phở
 Đối với người nữ nên sợ hãi
 人天善道若相應
 Nhân Thiên thiện đạo nhược tương ứng
 Làm thiện tương ứng cõi trời người
 復次大王。若父母生產兒子。

phục thứ Đại Vương。nhược phụ mẫu sanh sản nhi tử。
 Lại nữa Đại Vương! Nếu cha mẹ sanh ra được đứa con,
 其事甚難世所共知。處胎之時懷擔十月。

kỳ sự thậm nan thế sở cộng tri。xử thai chi thời hoài đàm thập nguyệt。
 việc ấy rất khó, người đời đều biết, lúc còn trong thai mẹ phải cuu mang mười tháng,

Vãng phân tủng hoạnh thất lộ kì
 Qua lại quanh co quên lối về
 一切世間無所重
 Nhất thiết thế gian vô sở trọng
 tất cả thế gian không gì quý
 設有女男無孝敬
 Thiết hữu nữ nam vô hiếu kính
 Nếu kẻ nam nữ không hiếu thuận
 和合妻女倍慙慙
 Hòa hợp thê nữ bội ân cần
 Đề tâm ân cần với thê thiếp
 墮落貪癡慾樂中
 Đọa lạc tham si dục lạc trung
 Rơi vào trong nghiệp tham sân si
 罔思育養報艱辛
 Võng tư dục dưỡng báo gian tân
 Quên báo ân dưỡng thời khổ nhọc
 互相煩惱倍增多
 Hồ tương phiền não bội tăng đa
 Để cho phiền não càng tăng thêm
 不逢賢聖作良因
 Bất phùng hiền Thánh tác lương nhân
 Không gặp hiền thánh tạo nhân xấu
 不顧刑罰恥辱侵
 Bất cố hình phạt si nhục xâm
 Không biết hình phạt thân chịu nhục
 墮張財賄離善友
 Huy trương tài hối ly thiện hữu
 Tiêu hao tiền của xa bạn tốt
 死入阿鼻地獄中
 Tử nhập A-tì Địa-ngục trung
 Chết đọa vào trong ngục A-tỳ
 猛焰糖煨烈火城
 Mãnh diệm đường ối liệt hỏa thành
 Lửa dữ nướng cháy không dùng nghĩ
 洋銅熱鐵為漿饌
 Dương đồng nhiệt thiết vi tương soạn
 Sắt nóng đồng sôi phải uống ăn
 隱沒菩提智慧根
 Ẩn một bồ đề trí tuệ căn
 Che lấp căn lành trí bồ đề
 勿令親近起攀緣
 Vật lệnh thân cận khởi phàn duyên
 Chớ gần gũi khởi sự đam mê
 不久菩提自獲得
 Bất cửu bồ đề tự hoạch đắc
 Không lâu sẽ đắc cõi Bồ-đề.

苦惱疼痛種種多般。起坐艱辛餐飲節度。縱獲生產如宰豬羊。

khổ não đông thống chùng chùng đa bát。 khởi tọa gian tân xan ẩm tiết độ。 tủng hoạch sanh sản như tể trư dương。

chịu các khổ sở đón đau, đứng ngồi khó khăn ăn uống thất thường, dầu được sanh ra cũng như làm thịt heo dê

不顧自身唯憂兒子。乳哺養育豈離懷抱。

bất cố tự thân duy ưu nhi tử。 nhũ bộ dưỡng dục khởi ly hoài bảo。

sanh rồi không ngó lại bản thân chỉ lo nghĩ đến con, chăm sóc bú mớm ẵm bồng, người mẹ nào xa.

大小便痢須自洗濯。

Đại tiểu tiện lệ tu tự tẩy trạc。

Khi con đại tiểu tiện, mẹ tự chùi rửa,

後漸長大而以誠實之言種種誘訓。令彼修學。閻浮提內工巧伎藝。

hậu tiệm trường Đại nhi dĩ thành thật chi ngôn chùng chùng dụ huấn。 lệnh tỳ tu học。 Diêm-phù-đề nội công xảo kỹ nghệ。

con dần lớn khôn lại dùng lời lẽ thành thật mà dạy dỗ, rồi cho con học chữ, học các nghề nghiệp trên thế gian,

書疏算計。經商買賣種種事業。

thư sơ toán kế。 Kinh thương mại mại chùng chùng sự nghiệp。

hoặc học mua bán tính đếm,

又復令彼身心安樂。廣與財帛富貴授用。

hựu phục lệnh tỳ thân tâm an lạc。 quảng dĩ tài bạch phú quý thụ dụng。

lại muốn con thân tâm an lạc nên giao tiền của để tùy thọ dụng

選揀親姻娉聚妻妾。比望孝順父母供敬侍養。

tuyển gián thân nhân phinh tự thê thiếp。 tỳ vọng hiếu thuận phụ mẫu cung kính thị dưỡng。

lựa chọn hôn nhân cưới vợ cho con, mong con hiếu thuận hầu hạ cha mẹ

而復心意顛狂一向迷亂。深著色慾都不省悟。

nhi phục tâm ý điên cuồng nhất hướng mê loạn。 thâm trước sắc dục đô bất tỉnh ngộ。

Nhưng con lại buông lung tâm ý, mê đắm sắc dục không chịu tỉnh ngộ,

又於別族姓家。私娶妻妾互相貪愛。

hựu ư biệt tộc tính gia。 tư thú thê thiếp hõ tương tham ái。

xa lánh cha mẹ bà con, chỉ riêng vui đùa với thê thiếp.

於其父母返成不孝。亦不敬重。其父後時耆年老邁。

ư kỳ phụ mẫu phản thành bất hiếu。 diệc bất kính trọng。 kỳ phụ hậu thời kỳ niên lão mại。

Đối với cha mẹ trở thành bất hiếu, cũng không kính trọng. Đến lúc cha mẹ tuôi cao,

身體羸瘦眼耳聾暗。起坐艱難要人扶持。

thân thể luy sấu nhãn nhĩ lung ám。 khởi tọa gian nan yếu nhân phù trì。

thân thể già yếu, mắt mờ tai điếc, đi đứng khó khăn, cần người giúp đỡ

而却憎惡輕棄嫌厭。種種逼迫趁父出舍。

nhi khước tăng ác khinh khí hiềm yếm。 chùng chùng bức bách sản phụ xuất xá。

thì con lại tỏ thái độ khinh khi chán ghét, tìm đủ cách để đuổi ra khỏi nhà,

娶其外族妻子於家。聚會種種歡樂。

thú kỳ ngoại tộc thê tử ư gia。 tụ hội chùng chùng hoan lạc。

người vợ đó là người ngoài dòng tộc, vợ con trong nhà cùng nhau sum họp đùa vui.

佛告大王。若是丈夫行此邪行。棄背父母。

Phật cáo Đại Vương。 nhược thị trượng phu hành thử tà hành。 khí bối phụ mẫu。

Phật dạy: Đại Vương! Nếu kẻ trượng phu làm những việc xấu này, bắt hiếu với cha mẹ,

決定命終入阿鼻地獄。求出無期。為第二過。

quyết định mạng chung nhập A-tì Địa-ngục。cầu xuất vô kỳ。vi đệ nhị quá。 thì lúc mạng chung ắt là đọa vào địa ngục A-tỳ không có ngày ra, đó là điều lệ thứ hai.

若善男子。棄背女色心意清潔。

nhược thiện nam tử。khí bồi nữ sắc tâm ý thanh khiết。

Nếu thiện nam tử xa rời nữ sắc giữ tâm thanh tịnh

供養父母行孝敬行。命終之後不墮惡趣。

cung dưỡng phụ mẫu hành hiếu kính hành。mạng chung chi hậu bất đọa ác thú。

hầu hạ hiếu thuận với Cha mẹ, thì sau khi mạng chung không rơi vào đường ác,

而生諸天受福快樂。天上福盡下生人間。亦不受貧窮下賤。

nhĩ sanh chư Thiên thọ phúc khoái lạc。Thiên thượng phúc tận hạ sanh nhân

gian。diệc bất thọ bản cùng hạ tiện。

mà được sanh về cõi trời hưởng các sự an vui, khi phước trời hết thì sanh ào cõi người nhưng không ở cảnh bản cùng hạ tiện

富貴吉祥。

phú quý cát tường。

mà được giàu sang tốt lành.

爾時世尊而說偈言。

nhĩ thời Thế tôn nhi thuyết kệ ngôn。

Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

欲行慈孝

Lý dục hành từ hiếu

Lìa dục, làm hiếu thuận

梵王帝釋身

Phạm Vương đế thích thân

Làm Đế thích, Phạm vương

供養老父母

Cung dưỡng lão phụ mẫu

Cúng dường cha mẹ già

人海為商賈

Nhập hải vi thương cổ

Vượt biển mà buôn bán

供養老父母

Cung dưỡng lão phụ mẫu

Cúng dường cha mẹ già

田種菓成熟

Điền chủng quả thành thực

Quả gieo đã chín muồi

供養老父母

Cung dưỡng lão phụ mẫu

Cúng dường cha mẹ già

常得驢馬負

Thường đắc lư mã phụ

Thường được lừa ngựa chở

供養老父母

Cung dưỡng lão phụ mẫu

Cúng dường cha mẹ già

猛火與刀兵

Mãnh hỏa dữ đao binh

Lừa dữ cùng binh đao

命終生天趣

Mạng chung sanh Thiên thú

Mạng chung sanh cõi trời

恆受於快樂

Hằng thọ ư khoái lạc

Thọ dụng sự vui sướng

後生人世中

Hậu sanh nhân thế trung

Sau sanh vào cõi người

安樂獲珍寶

An lạc hoạch trân bảo

Được trân bảo an vui

一切最上德

Nhất thiết tối thượng đức

Là phước đức tối thượng

較量福不盡

Giác lượng phúc bất tận

Phước báo hưởng không hết

永不擔重擔

Vĩnh bất diêm trọng đư

Không chịu cảnh mang vác

刀刃不能害

Đao nhận bất năng hại

Gươm dao không làm hại

不度鹹水河

Bất độ 鹹 thủy hà

Không đi qua biển mặn

亦復不能近

Diệc phục bất năng cận

Cũng không thể đến gần

供養老父母
Cung dưỡng lão phụ mẫu
Cúng dường cha mẹ già
穀麥與資財
Cốc mạch dữ tu tài
Nhiều lúa gạo tiền của
供養老父母
Cung dưỡng lão phụ mẫu
Cúng dường cha mẹ già
無數歡喜園
Vô số hoan hỷ viên
Hưởng nhiều sự vui sướng
供養老父母
Cung dưỡng lão phụ mẫu
Cúng dường cha mẹ già
具相色端嚴
Cụ tướng sắc đoan nghiêm
Đủ sắc tướng trang nghiêm
復次大王。若彼丈夫行非法業。

phục thứ Đại Vương。nhược tỷ trượng phu hành phi Pháp nghiệp。

Lại nữa Đại Vương! Nếu kẻ trượng phu làm việc phi pháp,

心不真實恒多邪見。於善不知妄生顛倒。

tâm bất chân thật hằng đa tà kiến。ư thiện bất tri vọng sanh điên đảo。

tâm không chân thật, không có nhiều tà kiến, không biết điều thiện, lại vọng
sanh điên đảo,

多得愚癡之人常所稱讚。有智慧者恒生忿怒。

đa đắc ngu si chi nhân thường sở xưng tán。hữu trí tuệ giả hằng sanh phần nộ。

được người ngu si thường khen ngợi, người có trí tuệ thường sanh bực tức

罪業轉深永失大利。於其佛世永不值遇。

tội nghiệp chuyển thâm vĩnh thất Đại lợi。ư kỳ Phật thế vĩnh bất trị ngộ。

tội nghiệp sâu dày mất đi lợi lớn, không bao giờ được gặp Phật pháp,

我慢貢高貧窮下賤。眾不愛樂。此是丈夫第三過失。

ngã mạn cống cao bản cùng hạ tiện。chúng bất ái lạc。thử thị trượng phu đệ tam
quá thất。

tâm ngã mạn cống cao, thân bản cùng hạ tiện, không có các điều vui, đây là điều
lỗi thứ ba.

爾時世尊而說偈言。

nhĩ thời Thế tôn nhi thuyết kệ ngôn。

Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

丈夫行淫慾
Trượng phu hành dâm dục
Trượng phu hành dâm dục
愚迷罪業深
Ngu mê tội nghiệp thâm
Ngu si tội sâu dày
遠離佛功德
Viễn li Phật công đức
Xa lìa các công đức
虛妄求安樂
Hư vọng cầu an lạc
Cầu an lạc hư dối
愚癡愛欲人
Ngu si ái dục nhân

常得善妻男
Thường đắc thiện thê nam
Có vợ con tốt lành
瑠璃及金寶
Luu ly cập kim bảo
Vàng bạc và lưu ly
常得天宮住
Thường đắc Thiên cung trụ
Thường được ở cõi trời
四面恒圍繞
Tứ diện hằng vây quanh
Không bao giờ lìa xa
常聞佛法音
Thường văn Phật Pháp âm
Thường nghe tiếng Phật Pháp
誰人不敬重
Thùy nhân bất kính trọng
Ai thấy cũng kính trọng。

顛倒分別我
Điên đảo phân biệt ngã
Tâm điên đảo phân biệt
輪迴墮惡道
Luân-hồi đọa ác đạo
Luân hồi đọa đường ác
無智慧揀擇
Vô trí tuệ giản trạch
Không hiểu để lựa chọn
如河覓盧迦
Nhu hà mịch lô ca
Nhu tìm bọt trên sông
諂曲多虛誑
Siểm khúc đa hư cuồng
Siểm khúc đa hư cuồng

Người ái dục ngu si
望求非法樂
Vọng cầu phi Pháp lạc
Cầu sự vui phi pháp
著慾見顛倒
Trước dục kiến điên đảo
Đắm nhiễm dục điên đảo
如夜黑暗中
Nhu dạ hắc ám trung
Nhu đêm tối mù mịt
無慚愧信根
Vô tâm quý tín căn
Không có tâm xấu hổ
菩薩與聲聞
Bồ-tát dữ Thanh văn
Chưa từng đến cúng dường
設遇正行者
Thiết ngộ chánh hành giả
Gặp người có đức hạnh
輕法而不聽
Khinh Pháp nhi bất thính
Lại khinh hủy không nghe
永不復人身
Vĩnh bất phục nhân thân
Mãi không làm thân người
迷沒不修行
Mê một bất tu hành
Ngu si không tu hành
復次大王。

phục thứ Đại Vương。

Lại nữa Đại Vương!

若諸男子自為活命及著淫慾癡愚障閉。作諸工巧種種事業。

nhược chư nam tử tự vi hoạt mạng cập trước dâm dục si ngu chướng bế。tác chư công xảo chủng chủng sự nghiệp。

Có kẻ nam tử vì đời sống và đắm say dục lạc nên bị ngu si che lấp, làm các thứ nghề nghiệp,

書疏算計讚詠談論。親近王臣行非法行。

thư sơ toán kế tán vịnh đàm luận。thân cận Vương Thần hành phi Pháp hành。

buôn bán tính đếm, bàn luận cavịnh, rồi gần gũi vua quan làm việc phi pháp,

謫罰有情種種虛誑。廣求財利作諸惡業。又復自為活命故。

trích phạt hữu tình chủng chủng hư cuồng。quảng cầu tài lợi tác chư ác

nghiệp。hựu phục tự vi hoạt mạng cố。

trách phạt dân chúng lừa dối các thứ, rộng cầu tài lợi, tạo các nghiệp ác. Lại

có người vì đời sống

行不律儀行。貨易牛驢駝馬猪羊鷄犬。

hành bất luật nghi hành。hóa dịch ngưu lu đà mã tru dương kê khuyển。

mà làm việc phi luật pháp, đổi các trâu ngựa heo dê gà chó,

乃至呪龍置兔魁膾等事。或復經商。

nãi chí chú long ta thỏ khô quái đẳng sự。hoặc phục Kinh thương。

cho đến giăng lưới bắt các thú vật. Hoặc có người đi buôn bán

不擇道路遊行嶮惡之道。臭穢之道。賊徒刀劍之道。

bất trạch đạo lộ du hành hiểm ác chi đạo。xú uế chi đạo。tặc đồ đao kiếm chi đạo。

Nhiều lừa dối dua nịnh
返成地獄苦
Phản thành Địa-ngục khổ
Thành sự khổ địa ngục
下劣自無知
Hạ liệt tự vô tri
Kẻ thấp hèn không hiểu
不分道非道
Bất phân đạo phi đạo
Không phân biệt phải trái
唯耽聲色味
Duy đam thanh sắc vị
Chỉ tham đắm thanh sắc
未曾行供養
Vị từng hành cung dưỡng
Bồ-tát và Thanh văn
廣演微妙音
Quảng diễn vi Diệu-Âm
Rộng thuyết pháp vi diệu
沈淪於地獄
Trầm luân ư Địa-ngục
Chìm đắm trong địa ngục
斷除檀等行
Đoạn trừ đàn đẳng hành
Đọa trừ các việc thiện
菩提最上失
Bồ đề tối thượng thất
Mất Bồ-đề Tối thượng

không biết chọn đường nên đi qua con đường hiểm nạn, qua đường dơ bẩn, qua đường có giặc cướp đao kiếm,

乃至泛大溟海。寒熱飢渴種種苦惱。而求財利。

nãi chí phiếm Đại minh hải。hàn nhiệt cơ khát chủng chủng khổ não。nhi cầu tài lợi。

cho đến trôi dạt trong biển lớn, lạnh nóng đói khát chịu các khổ não chỉ vì cầu tài lợi

又於沙門婆羅門。慳貪不肯布施。一向著慾。

hựu ư Sa-môn Bà-la-môn。khan tham bất khăng bố thí。nhất hướng trước dục。

nhưng đối với Sa-môn, Bà-la-môn thì bòn xén không chịu bố thí, chỉ đắm mình trong dục lạc,

又被女人降伏驅使。猶如奴僕長時同處。

hựu bị nữ nhân hàng phục khu sử。do như nô bộc trường thời đồng xử。

bị người nữ sai khiến giống như đầy tớ, cùng ở chung với họ

未曾捨離。起坐談話。互相攀顧深生愛著。

vị tăng xá ly。khởi tọa đàm thoại。hỗ tương phần cố thâm sanh ái trước。

mà chưa từng rời bỏ, cùng đứng ngồi cùng nói chuyện, sanh lòng yêu mến nặng nề, là故畜養女人。命終之後同入地獄。為第四過。

thị cố súc dưỡng nữ nhân。mạng chung chi hậu đồng nhập Địa-ngục。vi đệ tứ quá。cho nên nuôi dưỡng người nữ, sau khi mạng chung cùng vào địa ngục, đó là điều xấu thú tu。

爾時世尊。而說偈言。

nhĩ thời Thế tôn。nhi thuyết kệ ngôn。

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ rằng:

追求著慾人

Truy cầu trước dục nhân

Người tìm cầu ái dục

下劣妄追尋

Hạ liệt vọng truy tầm

Kẻ thấp hèn tìm cầu

非真丈夫業

Phi chân trượng phu nghiệp

Chẳng phải việc trượng phu

無恥若駝驢

Vô sỉ nhược đà lư

Như lừa không xấu hổ

斯人少智慧

Tư nhân thiếu trí tuệ

Người này ít trí huệ

奔競向女人

Bôn cạnh hướng nữ nhân

Bôn ba tìm nữ sắc

臭穢不可樂

Xú uest bất khả lạc

Ô uest không thể vui

不知婬慾過

Bất tri dâm dục quá

Không biết lỗi dâm dục

愚癡著婬慾

Ngu si trước dâm dục

Ngu si tham dâm dục

聲香味觸法

Thanh hương vị xúc Pháp

迷醉何曾樂

Mê túy hà tăng lạc

Mê say có gì vui

云何得安樂

Vân hà đắc an lạc

Làm sao được an lạc

自作不知非

Tự tác bất tri phi

Tự làm không biết sai

不堪極穢惡

Bất kham cực uest ác

Không chịu nổi uest ác

不悟罪根深

Bất ngộ tội căn thâm

Không rõ tội nghiệp sâu

如狗便糞穢

Như cầu tiện phần uest

Như chó tìm phân dơ

愚癡所愛重

Ngu si sở ái trọng

Người ngu lại quý trọng

如盲不見色

Như manh bất kiến sắc

Như mù không thấy sắc

如犬奔糞穢

Như khuyển bôn phần uest

Như chó thích phân dơ

貪著亦如是

Tham trước diệc như thị

Thanh hương vị xúc pháp
愚癡著慾人
Ngu si trước dục nhân
Người ngu ưa dâm dục
如槩繫彌猴
Nhu quyết hệ Mi-Hầu
Nhu cộc buộc khí vượn
愚迷著慾人
Ngu mê trước dục nhân
Người ngu đắm dâm dục
常被惡魔牽
Thường bị ác ma khiên
Bị ác ma dắt dẫn
愚人貪愛味
Ngu nhân tham ái vị
Người ngu tham ái dục
何異廁中蟲
Hà dị xí trung trùng
Nhu trùng trong chuồn xí
智者得解脫
Trí giả đắc giải thoát
Người trí vui giải thoát
見彼生驚怖
Kiên tỳ sanh kinh phở
Thấy liền sanh sợ hãi
愚癡懷散亂
Ngu si hoài tán loạn
Ngu si tâm tán loạn
如熱路艱辛
Nhu nhiệt lộ gian tân
Nhu đi giữa trời nắng
如是見飲者
Nhu thị kiến ẩm giả
Nhu vậy người uống vào
堅牢著慾人
Kiên lao trước dục nhân
Ái dục giam giữ người
實為此女人
Thật vì thù nữ nhân
Người nữ và sắc đẹp
生蟲自啞食
Sanh trùng tự táp thực
Bị côn trùng rúc rĩa
若裝飾女人
Nhược trang sức nữ nhân
Người nữ trang điểm ngoài
但觀諸外相
Đãn quán chư ngoại tướng
Chỉ nhìn tướng bên ngoài
又如油洗衣
Hựu như du tẩy y
Lại như dầu thoa áo
莊嚴於女人
Trang nghiêm ư nữ nhân

Tham đắm cũng như vậy
輪迴於諸趣
Luân-hồi ư chư thú
Luân hồi các nẻo ác
永不出三界
Vĩnh bất xuất tam giới
Không ra khỏi ba cõi
如烏戀臭肉
Nhu ô luyện xú nhục
Nhu chim ưa thịt thối
墮在於惡趣
Đọa tại ư ác thú
Rơi vào trong đường ác
於美起纏縛
Ư mỹ khởi triền phược
Bị sắc đẹp trói buộc
寧知是不淨
Ninh tri thị bất tịnh
Nào biết là trong sạch
女色不可染
Nữ sắc bất khả nhiễm
Không ô nhiễm nữ sắc
棄捨如壞屍
Khí xả như hoại thi
Xa rời như tử thi
著慾而無捨
trước dục nhi vô xả
Mê đắm không xả bỏ
困渴飲鹹水
Khốn khát ẩm hàm thủy
Khát nước uống nước mặn
愚癡迷失命
Ngu si mê thất mạng
Làm tổn hại thân mạng
過患亦如是
Quá hoạn diệc như thị
Tai họa cũng như vậy
如身患瘡癩
Nhu thân hoạn sang lại
Tai họa cũng như vậy
貪姪亦如是
Tham dâm diệc như thị
Tham dục cũng như vậy
如畫甕盛糞
Nhu họa ứng thịnh phần
Nhu bình đẹp chứa phân
誰知裏不淨
Thùy tri lý bất tịnh
Không biết trong dơ bẩn
掛搭於身上
quải đáp ư thân thượng
Mặc vào ở trên thân
染污亦如是
nhiễm 汚 diệc như thị

Người nữ trang điểm thân
如衣蓋刀劍
Nhu y cái đao kiếm
Nhu vải che đao kiếm
嚴飾於女人
Nghiêm sức ư nữ nhân
Người nữ trang điểm thân
又如劫火起
Hựu như kiếp hỏa khởi
Lại như kiếp hỏa khởi
草木不見生
Thảo mộc bất kiến sanh
Cỏ cây không thể sống
部多所住處
Bộ đa sở trụ xứ
Chúng sanh sống trên ấy
六欲與初禪
Lục dục dữ sơ Thiên
Lục dục và sơ thiên
如是耽女色
Nhu thị đam nữ sắc dâm
Đam mê nơi nữ sắc
焚燒於有情
Phân thiêu ư hữu tình
Thiêu đốt hết chúng sanh
人身速不淨
Nhân thân tốc bất tịnh
Thân người là bất tịnh
指爪與髮毛
Chỉ trảo dữ phát mao
Móng tay và râu tóc
垢汗大小便
Cấu hãn đại tiểu tiện
Mồ hôi, đại tiểu tiện
皮肉兼骨髓
Bì nhục kiêm cốt tủy
Da thịt cùng xương cốt
脾腎心共肺
Tỳ thận tâm cộng phế
Tỳ thận tim và phổi
生藏對熟藏
Sanh tạng đối thực tạng
Ruột già với ruột non
又復八萬戶
Hựu phục bát vạn hộ
Lại có tám vạn cửa
常住於身中
Thường trụ ư thân trung
Thường trú ở trong thân
於身起貪愛
Ư thân khởi tham ái
Khởi tham ái với thân
臭氣覺馨香
Xú khí giác hình hương

Ô nhiễm cũng như vậy
似火覆經灰
Tự hỏa phúc Kinh hồi
Nhu lửa trùm trên kho
違損亦如是
Vi tổn diệc như thị
Tổn hại cũng như vậy
大地皆洞燃
Đại địa giai đồng nhiên
Đại địa đều rực lửa
河海乾枯盡
Hà hải kiên khô tận
Biển sông đều khô cạn
須彌及鐵圍
Tu-Di cập thiết vi
Núi Tu Di, Thiết Vi
破壞誰能救
Phá hoại thù năng cứu
Bị hoại chẳng cứu được
淫火大熾燃
Hỏa Đại sí nhiên
Lửa dâm cháy dữ dội
違損不可救
Vi tổn bất khả cứu
Tổn hại không thể cứu
穢惡諸物成
Uế ác chu vật thành
Các vật dơ tạo thành
涎唾并結疇
Tiên thóa tinh kết 疇
Nước miếng và mũi dãi
肪膏及腦膜
Phương cao cập não mô
Mỡ màng và óc não
膿血筋脈連
Nùng huyết cân mạch liên
Gân mạch nối máu huyết
腸胃膽與肝
Tràng vị đả dĩ can
Dạ dày mật cùng gan
赤痰共白痰
Xích đàm cộng bạch đàm
Đàn đỏ cùng đàn trắng
微細蟲啞食
Vi tế trùng tạp thực
Các trùng nhỏ cắn rúc
愚人那知覺
Ngu nhân na tri giác
Người ngu nào hiểu biết
如蠅慕膿血
Nhu dăng mộ nùng huyết
Nhu ruồi chích máu mù
苦中而為樂
Khổ trung nhi vi lạc

Mùi hôi tưởng hương thơm
如是耽慾人
Nhu thị đam dục nhân
Nhu vậy người tham dục
慾火競來燒
Dục hỏa cạnh lai thiêu
Lửa dục thù đốt thân
愚癡著樂味
Ngu si trước lạc vị
Ngu si ưa dụ lạc
亦似底囉聲
Diệc tự để la thanh
Nhu tiếng vang vực sâu
又如於猿猴
Hựu như ư viên hầu
Lại như giống khỉ vượn
乃至到無常
Nãi chí đáo vô thường
Rồi đến lúc vô thường
如是貪欲人
Nhu thị tham dục nhân
Nhu vậy người tham dục
墜墮惡趣中
Trụy đọa ác thú trung
Rơi vào trong đường ác
愚癡婬慾人
Ngu si dâm dục nhân
Người ngu si dâm dục
擲在鐵鑊中
Trịch tại thiết hoạch trung
Ném thân trong vạc dầu
浮沈如煮豆
Phù trầm như chứ đậu
Thân tan như nấu đậu
六十四俱胝
Lục thập tứ câu chi
Sáu mươi bốn câu chi
一一墮落者
Nhất nhất đọa lạc giả giác
Tất cả đều đọa lạc
煎煮於鑊中
Tiên chủ ư hoạch trung
Bị nung nấu trong vạc
或二三四劫
Hoặc nhị tam tứ kiếp
Hoặc hai ba bốn kiếp
皮肉俱爛壞
Bì nhục câu lạn hoại
Da thịt đều tan nát
又隨自業力
Hựu tùy tự nghiệp lực
Lại tùy theo nghiệp lực
擲在炎鐵槽
Trịch tại viêm thiết tào

Trong khổ cho là vui
執杖相毆擊
Chấp trượng tướng khu kích
Cầm gậy tự đánh mình
迷醉誰能悟
Mê túy thù năng ngộ
Mê say không tỉnh ngộ
如狗在空房
Nhu cầu tại không phòng
Nhu chó trong phòng trống
究竟成妄想
Cứu cánh thành vọng tưởng
Cuối cùng thành vọng tưởng
攀緣常在樹
Phản duyên thường tại thụ
Vịn nơi cây mà ở
不離於樹上
Bất ly ư thụ thượng
Không xa lia cành cây
追求於色境
Truy cầu ư sắc cảnh
Tìm cầu nơi sắc đẹp
不離生死苦
Bất ly sanh tử khổ
Không lia sanh tử khổ
彼處命終後
Tỳ xử mạng chung hậu
Sau khi thân mạng chung
如是住一劫
Nhu thị trụ nhất kiếp
Nhu vậy cả kiếp số
其鑊大小量
Kỳ hoạch Đại tiểu lượng
Bề rộng của vạc dầu
眾生所依彼
Chúng sanh sở y tỳ
Chúng sanh ham dâm dục
較量不能知
Lượng bất năng tri
Số lượng không kể hết
受苦滿百劫
thọ khổ mãn bách kiếp
Chịu khổ cả trăm kiếp
隨彼業輕重
Tùy tỳ nghiệp khinh trọng
Tùy theo nghiệp nặng nhẹ
骨現似白螺
Cốt hiện tự bạch loa
Xương cốt như vỏ ốc
手捉尖利鉤
Thủ tróc tiêm lợi câu
Bị mũi nhọn đâm chích
死已而還活
Tử dĩ nhi hoàn hoạt

Ném vào trong lửa dữ
又被於獄卒
Hựu bị ư ngục tót
Lại bị các lính ngục
骨髓皆成糝
Cốt tủy giai thành 糝
Xương cốt thành bột vụn
或以鐵棒打
Hoặc dĩ thiết bổng đả
Hoặc dùng gậy sắt đánh
鐵獸三四五
Thiết thú tam tứ ngũ
Các loài thú mình sắt
又復為鐵烏
Hựu phục vi thiết ô
Có các giống chim sắt
牙嘴利如劍
Nha chủy lợi như kiếm
Răng nanh nhọn như kiếm
若人造罪業
Nhược nhân tạo tội nghiệp
Nếu tạo các tội nghiệp
或落刀劍上
Hoặc lạc đao kiếm thượng
Hoặc rơi vào rìng kiếm
若人造罪業
Nhược nhân tạo tội nghiệp
Nếu người tạo các tội
號叫大號叫
Hiệu khiêu Đại hiệu khiêu
Kiểu oán Đại Kiểu oán
若人造罪業
Nhược nhân tạo tội nghiệp
Nếu người tạo tội ác
重重入由增
Trọng trọng nhập do tăng
Càng vào càng lún sâu
若人造罪業
Nhược nhân tạo tội nghiệp
Nếu người tạo tội ác
飢吞熱鐵丸
Cơ thôn nhiệt thiết hoàn
Đói ăn hòn sắt nóng
若人造罪業
Nhược nhân tạo tội nghiệp
Nếu người tạo tội ác
眾山一時合
Chúng sơn nhất thời hợp
Các núi đồng thời hợp
若人造罪業
Nhược nhân tạo tội nghiệp
Nếu người tạo tội ác
獲得如是果
Hoạch đắc như thị quả

Chết xong rồi lại sống
手執鐵杵搗
Thủ chấp thiết xù đào
Tay cầm chày sắt giã
風吹而却活
Phong xuy nhi khước hoạt
Gió thổi rồi lại sống
劈裂如斧斫
Phách liệt như phủ chước
Thân tan như búa chặt
隨後而咬噬
Tùy hậu nhi giáo khiết
Chạy đến cắn mổ ăn
鐵狗及豺狗
Thiết cầu cập 豺 cầu
Chó sắt và quạ sắt
食罪人腦髓
Thực tội nhân não tủy
Ăn tủy não tội nhân
墮落於冀河
Đọa lạc ư phần hà
Đọa vào sông đầy phần
一切皆臭穢
Nhất thiết giai xú uế
Tất cả đều dơ bẩn
墮在極炎熱
Đọa tại cực viêm nhiệt
Đọa vào ngục Viêm Nhiệt
黑繩及燒燃
Hắc thằng cập thiêu nhiên
Hắt thằng và Thiêu Nhiên
墮在於灰河
Đọa tại ư hôi hà
Đọa vào ngục Khôi hài
痛苦不可忍
Thống khổ bất khả nhẫn
Đau khổ không kể hết
死墮地獄中
Tử đọa Địa-ngục trung
Chết đọa trong địa ngục
渴復飲銅汁
Khát phục âm đồng trấp
Khát uống nước đồng sôi
墮在鐵山間
Đọa tại thiết sơn gian
Đọa vào núi Thiết Vi
搗碎身如粉
Tạt toái thân như phấn
Than tan như bột vụn
恆受於苦惱
Hằng thọ ư khổ não
Thường chịu các khổ não
無有能救者
Vô hữu năng cứu giả

Bị quả báo như vậy
此處非安樂
Thử xử phi an lạc
Nơi ấy chẳng an lạc
父母與妻兒
Phụ mẫu dữ thê nhi
Cha mẹ và vợ con
下劣姪慾行
Hạ liệt dâm dục hành
Kẻ thấp hèn hành dâm
受苦不可當
Thọ khổ bất khả đương
Chịu khổ vô cùng tận
是故下劣人
Thị cố hạ liệt nhân
Cho nên người thấp hèn
如擔於糞袋
Như đấm ư phân Đại
Như gánh đày đặng phân
丈夫為女人
Trượng phu vi nữ nhân
Trượng phu vì người nữ
地獄火燃身
Địa-ngục hỏa nhiên thân
Lửa địa ngục đốt thân
剎那智慧生
Sát-na trí tuệ sanh
Phút chốc sanh trí huệ
離一切姪慾
Ly nhất thiết dâm dục
Lìa tất cả dâm dục
佛告大王。若丈夫行姪慾行。

Phật cáo Đại Vương。nhược trượng phu hành dâm dục hành。
Phật dạy : Đại Vương! Nếu kẻ trượng phu làm việc dâm dục

當墮地獄受斯大苦。是故大王。恒常念佛念法。

đương đọa Địa-ngục thọ tư Đại khổ。thị cố Đại Vương。hằng thường niệm Phật niệm Pháp。

sẽ đọa vào địa ngục chịu các khổ trên. Cho nên Đại Vương thường phải nhớ nghĩ Phật pháp.

觀察身心勿令起過。日子王言。如是世尊。於如來處。

quan sát thân tâm vật lệnh khởi quá。nhật tử Vương ngôn。như thị Thế tôn。ư Như-Lai xử。

Quán sát thân tâm chớ để khởi tội. Vua Nhật Tử bạch: Đúng vậy bạch Thế Tôn! con sẽ ở chỗ Như Lai

發深信心。白言世尊。甚為希有。如來應正等覺。

phát thâm tín tâm。bạch ngôn Thế tôn。thậm vi hi hữu。Như-Lai ứng chánh đẳng giác。

mà phát lòng tin thâm sâu. Thế Tôn! Phật là hiếm có, Như Lai là bậc Ứng Chánh Đẳng Giác,

善說女人丈夫之過。我當受持。

thiện thuyết nữ nhân trượng phu chi quá。ngã đương thọ trì。

khéo nói về lỗi lầm của trượng phu và người nữ, con sẽ thọ trì,

歸佛歸法歸苾芻眾。今後棄捨姪慾刀杖等過。

Không ai có thể cứu
先世業所招
Tiên thế nghiệp sở chiêu
Nghiệp đã tạo cảm ra
何能相救濟
Hà năng tương cứu tế
Sao có thể cứu giúp
直往於無間
Trực vãng ư vô gián
Roi thẳng ngục Vô Gián
三世佛皆說
Tam thế Phật giai thuyết
Ba đời Phật đều dạy
與女人同處
Dữ nữ nhân đồng xử
Ở chung với người nữ
愚癡到處行
Ngu si đáo xử hành
Ngu si đi khắp chỗ
纏縛如枷鎖
triền Phược như gia tỏa
Trói buộc như xiềng xích
無能得安樂
Vô năng đắc an lạc
Không có sự an lạc
如是聞佛法
Như thị văn Phật Pháp
Và nghe được Phật pháp
出家得解脫
Xuất gia đắc giải thoát
Xuất gia được giải thoát.

quy Phật quy Pháp quy bát sô chúng ° kim hậu khí xả dâm dục đao trượng đẳng quá °
quy y Phật Pháp Tăng. Từ nay về sau con sẽ xa rời tội lỗi dâm dục,
愍念饒益一切眾生。說此語時。會中日子王。

mẫn niệm nhiều ích nhất thiết chúng sanh ° thuyết thủ ngữ thời ° hội trung nhật tử
Vương °

Thương xót làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Lúc Phật nói kinh này xong, trong
hội chúng Vua Nhật Tử,

及諸苾芻菩薩摩訶薩 °

cập chú bát sô Bồ-tát Ma-Ha tát °

cùng các Tỳ-kheo, Bồ-tát-ma-ha-tát,

天龍藥叉阿素囉摩路茶健闍婆莫呼落迦人非人等 ° 聞佛所說 ° 皆大歡喜 ° 作禮而去 °

Thiên Long được xoa a tô la nghiêm lộ trà kiện thát bà mạc hô lạc ca nhân phi
nhân đẳng ° văn Phật sở thuyết ° giai Đại hoan hi ° tác lễ nhi khứ °

Trời, Rồng, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người và chẳng phải
Người v.v nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ phụng hành làm lễ mà lui ra.

佛說大乘日子王所問經

Phật thuyết Đại thừa nhật tử Vương sở vấn Kinh

Phật Thuyết Kinh Đại Thừa Nhật Tử Vương Sở Vấn.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:50:16 2006

=====